

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 47 /2018/HNGĐ-ST

Ngày: 10/5/2018

V/v: “Tranh chấp ly hôn và con chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH – TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Đình Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Ba.

2. Bà Mai Thị Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đồng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 10/5/2018 tại Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 902/2017/TLST – HNGĐ ngày 21/12/2017 về “Tranh chấp ly hôn và con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2017/QĐXXST– HNGĐ ngày 23/4/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1992.

Địa chỉ: số nhà A, tổ B, ấp C, xã PB, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Chiếm N, sinh năm 1992.

Địa chỉ: số nhà S, tổ V, ấp M, xã PT, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

Chị T có mặt, anh N có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn, chị Nguyễn Thị T trình bày:**

Chị và anh Nguyễn Chiếm N tự nguyện kết hôn với nhau năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã PT. Sau 02 tháng kết hôn, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh N không có trách nhiệm với vợ con, không tôn trọng vợ. Anh chị đã ly thân từ tháng 9/2016 đến nay. Nay, xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin ly hôn.

Về con chung: Có 01 cháu tên Nguyễn Hoàng Thiên A, sinh ngày 22/4/2016. Ly hôn, chị xin được nuôi cháu A, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

*** *Bị đơn anh Nguyễn Chiếm N trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị T kết hôn với nhau năm 2015, có đăng ký kết hôn. Anh xác nhận sau khi kết hôn, vợ chồng không có mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng vẫn chung sống bình thường. Nay, chị T có đơn xin ly hôn, anh không đồng ý do vẫn còn tình cảm, muốn vợ chồng hàn gắn đoàn tụ nuôi dạy con cái.

Về con chung: Có 01 cháu tên Nguyễn Hoàng Thiên A, sinh ngày 22/4/2016. Nếu ly hôn, chị T xin được nuôi dưỡng cháu A, không yêu cầu cấp dưỡng thì anh vẫn đồng ý.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành có ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Về việc thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, tư cách tố tụng, về việc xác minh, thu thập các tài liệu chứng cứ vụ án và thời hạn chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử đều được Thẩm phán thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

- Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị T và anh N được xây dựng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên được pháp luật bảo vệ. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên đề nghị chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng Thiên A, sinh ngày 22/4/2016 cho chị T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, tạm thời anh N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Thẩm quyền giải quyết vụ án: anh Nguyễn Chiếm N hiện đang cư trú tại xã PT, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai nên Tòa án nhân dân huyện Long Thành thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1, Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị T khởi kiện xin được ly hôn với anh Nguyễn Chiếm N và giải quyết vấn đề con chung, Tòa án nhân dân huyện Long Thành căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ là “Tranh chấp ly hôn và con chung”.

- Bị đơn anh Nguyễn Chiêm N có đơn xin vắng mặt trong các buổi làm việc, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Chiêm N tự nguyện kết hôn với nhau năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PT, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Hôn nhân giữa chị T và anh N là hôn nhân hợp pháp nên khi có yêu cầu ly hôn, Tòa án áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Theo chị T thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh N không có trách nhiệm với vợ con, không tôn trọng vợ.

Còn anh N thì xác định sau khi kết hôn, vợ chồng không có mâu thuẫn trầm trọng, vẫn chung sống bình thường.

Để có cơ sở giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Long Thành đã xác minh mâu thuẫn của vợ chồng tại địa phương thì được biết: vợ chồng chị T, anh N sinh sống tại ấp M, xã PT. Từ khoảng tháng 4/2016 cho đến nay, chị T về nhà bố mẹ để sống, anh N vẫn sống tại địa phương. Còn vợ chồng chị T, anh N có mâu thuẫn như thế nào thì địa phương không nắm do anh N, chị T không yêu cầu địa phương hòa giải.

Như vậy, mặc dù chính quyền địa phương không biết mâu thuẫn nhưng anh N, chị T đã sống ly thân từ tháng 4/2016 tới nay chứng tỏ vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là có thật. Mặc dù anh N không muốn ly hôn, vẫn còn tình cảm và muốn vợ chồng hàn gắn để nuôi dạy con cái nhưng quá trình giải quyết vụ án, mặc dù nhận được Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập của Tòa án nhưng anh N vẫn vắng mặt không lý do. Sau khi làm việc, anh N có đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không đến Tòa án để tiến hành hòa giải, hàn gắn mối quan hệ vợ chồng, chứng tỏ anh N cũng không còn quan tâm đến hạnh phúc gia đình nữa.

Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Long Thành đã động viên để chị T rút đơn khởi kiện nhằm mục đích vợ chồng đoàn tụ nhưng chị T xác định tình cảm không còn, vẫn kiên quyết xin ly hôn.

Nhận thấy, mâu thuẫn giữa chị T và anh N là có thật, tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh N không còn, nếu có tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận đơn xin ly hôn của chị T, cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Chiêm N là phù hợp.

Về con chung: Có 01 cháu tên Nguyễn Hoàng Thiên A, sinh ngày 22/4/2016. Ly hôn, chị T và anh N đều muốn giao cháu A cho chị T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, tạm thời anh N không phải cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí HNGĐ- ST: Chị T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 203, 220; khoản 1 Điều 228, 235, 264, 266 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Chiếm N.

Về con chung: Có 01 cháu tên Nguyễn Hoàng Thiên A, sinh ngày 22/4/2016.

Giao cháu A cho chị T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, tạm thời anh N không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh N được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì quyền lợi của trẻ, khi cần thiết các bên được quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Về án phí HNGĐ – ST: chị T phải nộp 300.000đ, được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp tại cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành theo biên lai thu số 005240 ngày 19/12/2017.

Chị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKS ND tỉnh Đồng Nai;
- T.H.A dân sự H. Long Thành;
- VKS H. Long Thành;
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu HS, VP.

Nguyễn Đình Trung